



MỘT SỐ TÍN NGƯỠNG DÂN GIAN CỦA NGƯỜI SÁN DÌU Ở HUYỆN ĐỒNG HỖ, TỈNH THÁI NGUYÊN

MAI THỊ HỒNG VĨNH

Đặt vấn đề

Tín ngưỡng dân gian là một trong những thành tố quan trọng của văn hóa tinh thần, chi phối nhiều mặt và ăn sâu, bám chắc trong đời sống con người. Niềm tin vào các đấng siêu nhiên thần thánh đã nâng đỡ tinh thần, giúp họ vượt qua những khó khăn của cuộc sống; tạo ra mối liên kết giữa các thành viên trong gia đình và cộng đồng; đồng thời tín ngưỡng dân gian cũng có tác dụng to lớn trong việc giáo dục tư tưởng “uống nước nhớ nguồn”, xác định chuẩn mực ứng xử của con người (Nguyễn Đức Lữ và cộng sự, 2000, tr. 15-26).

Bài viết này đưa ra một số thông tin về tín ngưỡng dân gian của người Sán Dìu ở huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên để thấy được sự đa dạng trong văn hóa tộc người; tạo cơ sở khoa học cho việc định hướng các hoạt động tâm linh của người dân địa phương. Vấn đề này đã được đề cập đến trong một số công trình nghiên cứu chung về người Sán Dìu của Ma Khánh Bằng (1983), Diệp Trung Bình cùng các cộng sự (2002, 2005), Nguyễn Thị Quế Loan và các cộng sự (2008, 2010)... Tuy nhiên, đến nay chưa có công trình nào đề cập một cách có

hệ thống và chi tiết về tín ngưỡng dân gian của người Sán Dìu ở tại huyện Đồng Hỷ. Các bài viết trên là những tư liệu quý giá giúp chúng tôi định hướng vấn đề nghiên cứu trong bài viết này trên cơ sở những tư liệu điền dã thực tế tại địa phương.

1. Vài nét về người Sán Dìu ở huyện Đồng Hỷ

Đồng Hỷ là huyện trung du - miền núi của tỉnh Thái Nguyên, phía Bắc giáp huyện Võ Nhai, phía Nam giáp thành phố Thái Nguyên và huyện Phú Bình, phía Tây giáp huyện Phú Lương, phía Đông giáp với tỉnh Bắc Giang. Theo *Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2009*, Đồng Hỷ có 107.769 người, thuộc các tộc Việt (Kinh), Tày, Nùng, Sán Dìu, Dao; trong đó, Sán Dìu là 16.322 người, chiếm 15% dân số toàn huyện (Phòng Thống kê huyện Đồng Hỷ, 2009). Tài liệu gia phả còn lưu trong nhiều gia đình trên địa bàn huyện cho biết, người Sán Dìu từ Quảng Đông (Trung Quốc) di cư sang Việt Nam và đến Đồng Hỷ cách ngày nay khoảng 200 năm (Ma Khánh Bằng, 1983, tr. 19).

Người Sán Dìu ở huyện Đồng Hỷ lấy sản xuất nông nghiệp làm cơ sở kinh tế chính. Các hoạt động thủ công nghiệp (đan

lát, mộc, rèn...) mang tính thời vụ. Ngoài ra, đồng bào còn khai thác các sản vật tự nhiên nhằm bổ sung thêm nguồn lương thực, thực phẩm cho bữa ăn hàng ngày và phục vụ các hoạt động khác. Ngày nay, nhờ các chương trình như 135, 167..., đời sống của đồng bào ngày càng được nâng cao, song ở các xã vùng sâu, vùng xa, cuộc sống còn hết sức khó khăn, phụ thuộc nhiều vào tự nhiên.

Xóm làng của người Sán Dìu khá tập trung, dựa trên mối quan hệ láng giềng kết hợp với quan hệ huyết thống. Tuy sống xen kẽ với nhiều tộc người khác, song ở mỗi làng vẫn có sự tập trung của những gia đình cùng họ hàng sống cạnh nhau. Đây là điều kiện để đồng bào bảo tồn được những giá trị văn hóa của tộc mình, vừa tiếp thu giá trị văn hóa của các tộc khác. Một trong những biểu hiện đó là *tín ngưỡng dân gian*.

2. Một số dạng thức của tín ngưỡng dân gian người Sán Dìu ở huyện Đồng Hỷ

2.1. Thờ cúng tổ tiên

Theo quan niệm của người Sán Dìu, con người sau khi chết, hồn lìa khỏi xác, nhưng tiếp tục sống ở thế giới bên kia, trở thành ma và đi khắp nơi: lên trời, ra nghĩa địa, quanh quẩn ở nhà trên bàn thờ tổ tiên... Ma có ma dữ và ma lành. Ma lành (*hén cúí*) luôn che chở, phù hộ cho con cháu nên con cháu có nghĩa vụ thờ cúng (Diệp Trung Bình, 2005, tr. 235-236). Tuy nhiên, tổ tiên có thể gây ra những điều bất trắc như: ốm đau, tai nạn... khi con cháu không thờ phụng đến nơi đến chốn. Tùy theo từng dòng họ mà tổ tiên được thờ từ 7 đời cho tới 10 hoặc 12 đời, nhưng sự linh ứng thường tính từ đời thứ tư lấy chủ nhà (nam

giới) làm căn cứ. Ma từ đời thứ năm trở đi coi như ma gia trạch, chỉ được cúng vào dịp lễ Tết trong năm.

Bàn thờ của người Sán Dìu hầu hết được đặt ở gian giữa ngôi nhà, bên cạnh là chỗ ngủ của chủ nhà. Cách bài trí bàn thờ ở từng gia đình có sự khác nhau. Gia đình bình thường chỉ có hai bát hương: 1 bát hương tổ tiên và 1 bát thờ ông Táo. Trên bàn thờ có treo thêm ảnh thờ của ông bà tổ tiên, câu đối ở hai bên. Người Sán Dìu có tục người con rể phải thờ bố mẹ vợ (nếu ở rể), hoặc không ở rể nhưng bố mẹ vợ không có con trai hoặc có con trai nhưng người con trai đó mất trước bố mẹ vợ. Khi đó, bàn thờ được ngăn bởi một tấm phên ở giữa. Những gia đình làm thầy, trên bàn thờ còn có bát hương thờ Tổ sư, ngoài bát hương tổ tiên và bát hương ông Táo. Trên tam sơn không thể thiếu bộ đồ hành nghề của người thầy cúng gồm tù và, ấn tín, ấn, *lệnh pài*, thẻ xin âm dương, sách cúng, *não bặt*... Những gia đình có người mất chưa được làm ma, người ta lập một bàn thờ ở cạnh bàn thờ tổ tiên; sau 100 ngày của người quá cố, bát hương đó được đặt lên bàn thờ nhưng thấp hơn bát hương tổ tiên.

Sự tôn kính và mối liên hệ bền chặt giữa con cháu đối với tổ tiên được thể hiện qua các nghi lễ thờ cúng, diễn ra vào các dịp: Tết Nguyên đán, Thanh minh, mùng 8 tháng Tư, Đoan Ngọ, Vu lan, mừng cơm mới, Trung thu, mùng 10 tháng Mười, Đông chí; những khi gia đình có việc hệ trọng như cưới xin, ma chay, làm nhà...; hay những lúc gặp điều không may mắn, ốm đau bệnh tật... Tùy từng dịp và từng

hoàn cảnh, lễ vật và nghi thức tiến hành có sự khác nhau. Người hành lễ phải là người đàn ông, người chủ gia đình. Một số nghi lễ quan trọng như tang ma, lễ kỳ yên, giải hạn do thầy cúng thực hiện.

2.2. Thờ các vị thần che chở cho gia đình và cộng đồng làng

2.2.1. Thờ mẹ (nam mu)

Người Sán Dìu quan niệm, mỗi đứa trẻ có một bà mẹ nặn ra, khi sinh ra được sự che chở của bà mẹ. Trước đây, cứ một tháng cúng mẹ một lần vào ngày mùng 2 (là ngày mẹ về thăm trẻ) và cúng cho đến khi trẻ được 2 - 3 tuổi. Sau này, đồng bào chỉ cúng mẹ vào ba buổi sáng đầu khi đứa trẻ được sinh ra, ngày đầy tháng và những lúc trẻ hay quấy khóc, biếng ăn không rõ nguyên nhân; hoặc khi đứa trẻ nằm mơ thấy những điều bất thường như nhìn thấy người cởi áo (có nghĩa bà mẹ đang về đòi quần áo...). Theo ông Lưu Văn Nhất (xóm Na Ca, xã Minh Lập), nhiều gia đình khó khăn về kinh tế nên khi trẻ quấy nhiễu, chỉ khấn bà mẹ và xin khát đến các ngày lễ tiết mới cúng. Theo quan niệm của đồng bào, mỗi đứa trẻ có một bà mẹ riêng và sở thích cũng khác nhau, phụ thuộc vào ngày sinh tháng đẻ của trẻ; do đó, lễ vật cúng cũng khác nhau, nếu bà mẹ thích ăn thứ gì thì mâm lễ phải cúng nhiều thứ đó. Tuy nhiên, lễ vật thông thường phải có rau xanh luộc, cá, gạo. Chủ nhà thắp hương, khấn với đại ý: “Gia chủ kính dâng bà mẹ lễ vật gồm có...; cầu mong bà mẹ phù hộ cho con của tín chủ là... (họ tên trẻ) không quấy nhiễu, ăn ngon, ngủ ngoan...”. Bố mẹ và người trông trẻ tuyệt đối không được ăn mâm cơm cúng mẹ đó, nếu không thực hiện

đúng, sau này đứa trẻ sẽ không nghe lời bố mẹ và người trông không dạy bảo được bé.

Đa số các gia đình người Sán Dìu ở huyện Đồng Hỷ không lập bàn thờ mẹ cố định, mà chỉ lập bát hương khi trẻ quấy khóc, ốm đau hoặc vào những dịp lễ tiết, sắm lễ vật cúng mẹ. Cúng xong người ta hạ lễ vật và bỏ bát hương.

2.2.2. Thờ thần cửa (sản môn), thổ địa

Thần cửa là vị thần có trách nhiệm canh giữ, ngăn các loại tà ma, quỷ dữ... xâm nhập vào nhà. Biểu hiện của thờ thần cửa là một ống tre có cắm hương để thờ ở cửa chính ngôi nhà. Vào các ngày lễ tiết, gia đình có việc hệ trọng như sinh đẻ, cưới xin, tang ma..., chủ nhà thắp hương xin thần cửa phù hộ, song không đặt mâm lễ riêng mà cúng chung ở trên bàn thờ tổ tiên. Tín ngưỡng này ngày nay vẫn còn tồn tại ở hầu hết các gia đình người Sán Dìu.

Thổ địa được thờ trong một cái ống tre nhỏ đặt ở dưới bàn thờ tổ tiên, mỗi khi có việc cầu cúng, chủ nhà thỉnh về chứng giám và hưởng lễ.

2.2.3. Thờ Táo quân (chạy kun)

Táo quân hay “ma bếp” có nhiệm vụ bảo vệ người và súc vật, “quản lý hộ khẩu” trong nhà. Theo các bậc cao niên, “ma bếp” được đồng bào sợ và tôn vinh nhất. Trước đây, phần lớn các gia đình thờ Táo quân ở ngay gian bếp. Để đảm bảo việc thờ được tôn nghiêm, bếp phải luôn sạch sẽ, củi đun phải là những loại củi chặt ở trên rừng mang về, không được dính các loại uế tạp; khi nấu không được gõ vào kiềng, vẽ vào xoong; không đun cám lợn ở bếp; không được nấu

thịt chó và ăn ở nơi thờ ông Táo. Không thực hiện được những điều kiêng kỵ trên sẽ làm động đến thần, bị thần gây tai họa như bệnh tật, tai nạn, phải nhờ thầy cúng tạ lỗi với Táo quân. Ngày nay, ông Táo được thờ ở bàn thờ tổ tiên, những kiêng kỵ trên được giảm bớt, nhưng nhất thiết bếp vẫn phải được giữ gìn sạch sẽ.

Người Sán Diu cúng ông Táo vào ngày 30 Tết. Trước đó, ngày 29, các gia đình đều chuẩn bị một thanh củi thật to để đốt suốt đêm 30 Tết; bếp lửa lúc nào cũng cháy đỏ, nhằm cầu mong thần bếp phù hộ cho một năm mới gặp nhiều may mắn.

2.2.4. Thờ các vị thần thánh, Phật trong các gia đình làm thầy cúng

Trong nhà thầy cúng người Sán Diu không lập bàn thờ các vị thần thánh, Phật, mà chỉ khi có việc cần phải thỉnh cầu đến các vị đó, họ mới lập đàn để thờ. Đối tượng được thờ bao gồm Phật bà Quan Âm, Tam bảo, Tam Thanh và Tổ sư. Đối với những nghi lễ cần đến Phật, người ta lập đàn thờ Phật bà Quan Âm và Tam bảo (Phật, Pháp, Tăng). Với những việc làm cần sự có mặt của thánh, họ lập đàn thờ Tam Thanh (Thượng Thanh, Thái Thanh, Ngọc Thanh). Tuy không lập bàn thờ nhưng trong các dịp lễ tiết hay khi gia đình thầy có việc quan trọng đặt mâm lễ cúng tổ tiên, gia chủ cũng phải thỉnh đến các thần thánh để thể hiện lòng thành kính.

2.2.5. Thờ thành hoàng

Đây là việc thờ thần bản mệnh của cộng đồng làng để cầu sự sung túc, thịnh vượng cho cả làng. Thành hoàng được thờ chủ yếu là nhân thần: *Lưu Thiện đại vương*,

Bà chúa Sơn Lâm, *Miếu Bạc đại vương* ở đình Thông Nhân (xã Linh Sơn); *Xuất Thành đại vương*, *Quý Minh đại vương*, *Lính Binh đại vương* ở đình Đại Hoàng (xóm Chí Sơn, xã Nam Hòa)... Trước đây, hầu hết các làng đều lập đình thờ thành hoàng. Các ngôi đình được xây ở nơi cao ráo, thoáng mát, quy mô vừa, đa số các ngôi đình nhìn hướng Nam, là hướng đón gió nồm, tránh gió tây nóng, đồng thời là hướng phù hợp với triết lý âm dương ngũ hành.

Mỗi làng đều cử người trông coi đình - gọi là ông *chủ nhang*. Vào ngày mùng 1 và 15 (rằm) hàng tháng, ông ta phải quét dọn đình, hương khói cho các thần. Chủ nhang được cày một mảnh ruộng do dân làng giao cho, phục vụ việc sửa lễ. Ngày nay, ruộng không còn, tiền để sửa lễ do dân làng đóng góp.

Hàng năm vào các dịp lễ tiết *ra đồng*, *hạ điền*, *thượng điền*, *com mới*... dân các làng tổ chức cúng thành hoàng. Đến ngày hành lễ, dân làng cử ra bốn *ông thôn* (thực chất là các gia đình thay phiên nhau phụ trách hàng năm) lo liệu mọi việc. Các hộ trong làng có nghĩa vụ góp rượu, gạo nếp, mức cụ thể tùy quy định của từng làng. Ngày làm lễ, từ sáng sớm, mọi người trong làng ra đình chuẩn bị lễ vật. Sắm lễ xong, chủ lễ thay mặt dân làng thực hiện các nghi thức giao tiếp với thần linh. Sau khi lễ tất, hương tàn, cả làng cùng thụ lộc trong không khí linh thiêng, đầm ấm.

2.3. Một số tín ngưỡng liên quan đến nông nghiệp

2.3.1. Lễ ra đồng

Nghi lễ này thường được tổ chức từ ngày mùng 5 tháng Giêng trở đi. Sau những

ngày đón Tết vui vẻ, để bắt đầu công việc đồng áng trong năm mới, người Sán Dìu tiến hành tổ chức lễ cúng thành hoàng tại đình làng.

Các hộ dân trong làng hàng năm thay phiên nhau đứng ra lo liệu lễ vật. Sau khi mâm lễ được đặt lên, *chủ nhang* thực hiện các nghi lễ. Ông ta đọc sách cúng mời các sơn thần, thổ địa cai quản dân làng về hưởng lễ, kính cáo ngày Tết đã hết, nay dân làng làm lễ cúng cầu mong các thần tiếp tục phù hộ cho dân làng khỏe mạnh, mùa màng bội thu. Kết thúc buổi lễ, đại diện các hộ gia đình cùng ăn bữa cơm cộng cảm đầu xuân năm mới. Sau lễ này, dân làng mới được ra đồng sản xuất; gia đình nào xuống đồng trước ngày làm lễ, năm đó mất mùa, sâu bệnh, dân làng gặp những điều tai ương... sẽ bị làng xử phạt. Lễ ra đồng vừa thể hiện tín ngưỡng sản xuất nông nghiệp, vừa mang ý nghĩa lễ mở cửa đình. Trong buổi lễ hôm đó mọi người thường mang theo chút lễ vật của gia đình thắp hương ở các ban thờ để xin lộc đầu năm mới.

2.3.2. Lễ hạ điền

Lễ này được tổ chức vào thời điểm bắt đầu vụ mùa (mùng 8 tháng Tư); thời gian cụ thể tùy thuộc quy định từng làng, nhưng phải là ngày tốt bởi nó ảnh hưởng đến kết quả của vụ mùa năm đó. Gần đến ngày lễ, dân làng góp tiền hoặc lương thực, thực phẩm làm mâm lễ cúng thần, gồm thịt, xôi, hoa quả hương, rượu...; mang ra một thửa ruộng tốt gần làng. Thầy cúng thực hiện các nghi thức với lời khấn có nội dung, dân làng.... có lòng thành dâng lễ vật lên các thần linh, kính cáo công việc vụ mùa

bắt đầu, kính mời các thần về hưởng lễ và phù hộ cho vụ mùa màng, không sâu bệnh, bội thu. Sau khi thầy hoàn thành việc cúng thần, người đứng đầu làng tiến hành cày vài đường. Sau ngày đó, dân làng mới được xuống đồng cày bừa làm mùa.

2.3.3. Lễ thượng điền

Lễ được tổ chức sau khi hoàn thành công việc gieo cấy (ngày 15 tháng Bảy). Mâm cỗ cũng được bày đặt như lễ hạ điền, song phải có thêm một con ngựa và giấy ngũ sắc làm thành chiếc cờ để thần nông cưỡi ngựa đi cắm ở khắp các cánh đồng, bảo vệ mùa màng. Ông chủ nhang khấn thần với nội dung kể về công ơn của các vị thần linh: thần sinh ra hạt gạo, hạt thóc, sinh ra cánh đồng... và cầu mong các thần thánh trừ diệt sâu bệnh, phù hộ cho mùa màng tốt tươi. Kết thúc buổi lễ, đại diện tất cả các gia đình trong làng cùng thụ lộc.

Vào dịp này, các gia đình khá giả tự làm mâm cơm, các loại bánh tẻ, bồng... để cúng tạ ơn các vị thần linh, tổ tiên phù trợ cho họ hoàn thành công việc gieo cấy và cầu mong phù hộ ruộng đồng xanh tốt, mùa vụ bội thu.

2.3.4. Lễ cúng cơm mới

Lễ mừng cơm mới được tổ chức ở đình làng. Thời gian tiến hành lễ tùy thuộc từng làng, nhưng thường vào một ngày tốt trong tháng Tám. Mỗi năm có một gia đình đảm nhiệm chính việc sửa lễ; các gia đình trong làng có trách nhiệm đóng góp lợn, gạo, tiền... Gạo nấu cỗ phải là lúa mới được gặt ở ngoài đồng, đem về giã ra và nấu thật dày nôi. Chủ lễ thắp hương cúng thần kính báo và tạ ơn các vị thành hoàng, thần Nông giúp đỡ dân làng một năm lao động sản xuất

thắng lợi, đồng thời cầu mong các vị thần tiếp tục phù hộ cho các vụ mùa sau.

Trong lễ cúng cơm mới, người ta còn bày mâm cỗ ở ngoài sân đình để cúng thần Nông. Đây là vị thần được coi là tổ của nghề nông. Lễ vật cúng thần Nông, ngoài các lễ vật cúng thành hoàng, còn có lá đa được cuốn thành hình phễu, trong đó đã được bỏ gạo, xôi và đồ rượu lên. Các hình phễu này được cắm xung quanh nơi thờ thần Nông với ngụ ý nhờ thần diệt trừ sâu bọ cho mùa màng. Trong mâm cúng thần Nông, còn có một bó cờ ngũ sắc. Chủ lễ thắp hương mời thần về dự lễ. Mỗi gia đình cử một người đàn ông khỏe mạnh cầm chiếc cờ ngũ sắc ở mâm lễ chạy nhanh đến đám ruộng nhà mình cắm vào đó trong tiếng reo hò cổ vũ của những người tham gia buổi lễ. Đồng bào tin rằng từ nay, đám ruộng nhà mình đã có thần Nông che chở. Sau khi chủ lễ hoàn thành các nghi lễ, mâm cỗ được hạ xuống; đại diện các gia đình trong làng (thường chỉ có nam giới, nếu là phụ nữ thì phải là các cụ cao niên) cùng ăn mừng bữa cơm mới. Người ngồi ở các mâm được xếp theo lứa tuổi, vai vế xã hội.

Trước đây, theo lệ làng, những gia đình nào có trẻ mới sinh hoặc trâu bò mới đẻ thì không được ra đình tham dự bữa cơm hôm đó và dân làng cũng không thu lễ vật của các gia đình trong năm đó do quan niệm “sinh dữ, tử lành” (*Slang sộc sli hảo*).

Trước đây, sau khi hoàn thành các nghi thức cúng tế tại đình, bà con tổ chức hội với các trò chơi: đánh vật, đánh cầu, đi cà kheo... và hội ca hát (*soọng cô*) vui nhộn. Nếu gia đình nào chưa làm lễ cơm mới thì không được ăn bữa cơm mới ở nhà

khác trong làng cũng như khác làng vì sợ thần phạt.

Sau khi tổ chức ở đình làng, các gia đình mới được cúng cơm mới; lễ vật tùy điều kiện từng gia đình nhưng thường rất to, với các loại bánh, thịt lợn, gà, rau xanh... Khi ăn, người ta kiêng chan canh vì sợ trời mưa làm trôi hết thóc.

2.3.5. Tín ngưỡng trong chăn nuôi

Trong dịp lễ Tết Nguyên đán, người Sán Dìu có tục dán giấy màu trong khuôn viên ngôi nhà của mình và cả các nông cụ, chuồng trâu, bò, lợn, gà..., nhằm cầu mong vật nuôi khỏe mạnh, chóng lớn; nông cụ không bị hỏng, mất, không bị ma quỷ quấy nhiễu.

Ngày 30 Tết, gia đình làm cơm cúng tổ tiên, thần thánh. Trong khi chèo thực hiện các nghi thức cúng ở trong nhà, ở bên ngoài người vợ dùng một thanh cây gỗ nhẹ vào chuồng và gọi tên các con vật. Chẳng hạn, gõ vào chuồng trâu và gọi tên: *Ngói! Ngói! Ngói!* (Trâu! Trâu! Trâu!). Theo quan niệm của đồng bào, làm như vậy để các vị tổ tiên, thần linh về ăn Tết phù hộ cho gia súc khỏe mạnh, chóng lớn.

Theo lời kể của các già làng, tục dán giấy màu vào cả các nông cụ, chuồng trâu, bò, lợn, gà diễn ra vào ngày 30 Tết vì xưa kia trái đất chịu sự quản lý của ma tà, chúng luôn quấy nhiễu con người, Phật Tổ đã ra tay cứu vớt cúng sinh đánh đuổi chúng đi. Mặc dù phải chấp nhận rời khỏi địa bàn sinh sống của con người nhưng ma tà yêu cầu cứ 30 Tết phải được về “thăm” một lần.

Vào mùng 1 Tết Nguyên đán, người Sán Dìu ra bờ suối xin Hà Bá một vài viên

sỏi, đá đem về bỏ vào chuồng của các vật nuôi trong gia đình với mong muốn thần linh phù hộ cho các con vật luôn khỏe mạnh, tránh được dịch bệnh.

Trong tín ngưỡng chăn nuôi, người Sán Dìu kiêng ăn thịt trâu, bởi họ cho rằng “trâu ăn cỏ giả, mình ăn cỏ thật”. Cỏ giả là cỏ tự nhiên, cỏ thật là thóc gạo do sự kéo cày của trâu mà có. Vì thế, ăn thịt trâu có nghĩa là “phản lại nó, là có tội”. Ở một số nơi, khi trong gia đình có trâu cái đẻ, gia chủ phải sửa mâm cơm kính cáo tổ tiên, cầu mong cho nghé con được khỏe mạnh, chóng lớn.

Người Sán Dìu còn có nhiều kiêng kỵ trong các ngày lễ tiết liên quan đến tín ngưỡng nông nghiệp, như tết Thanh minh (*Sênh minh triệt*) không được làm gì động đến long mạch, thần thánh quở phạt, sẽ gây ra hạn hán ảnh hưởng đến mùa màng. Làng quy định ngay từ tối hôm trước ngày Thanh minh các gia đình phải gánh đủ lượng nước dùng trong cho cả ngày hôm sau để đến ngày này, không được ai lấy nước. Người đứng đầu làng trực tiếp giám sát ngay tại giếng làng, gia đình nào vi phạm sẽ bị xử phạt theo luật tục của làng.

Tết mùng 8 tháng Tư: theo quan niệm của người Sán Dìu là ngày sinh nhật của trâu. Ngày này, trâu được nghỉ ngơi; các gia đình làm bánh cho các thành viên trong gia đình thưởng thức và thiết đãi con trâu.

Tết Đoan ngo (*Ngũ nhọt triệt*) nhằm ngày mùng 5 tháng Năm, là thời điểm chuyển từ mùa xuân sang mùa hạ, dịch bệnh dễ bùng phát; vì thế, các gia đình tổ chức lễ giết sâu bọ. Trước đây, nếu ruộng gia đình

nào có nhiều sâu bọ phá hoại, người ta chuẩn bị lễ vật mời thầy cúng ra hành lễ tại ruộng. Ông thầy niệm thần chú, cầu khẩn Ngọc Hoàng sai khiến các loại chim, cò đến bắt các loại sâu bệnh; thầy cũng yểm bùa ngay trên các đám ruộng để sâu bệnh không thể tái phát. Ngày nay, nghi lễ này không còn tồn tại. Vào dịp tết Đoan ngo, sáng sớm, bà chủ nhà sắm sửa lễ vật (nấu cháo, chè, mua hoặc trồng hoa quả từ hôm trước). Các thành viên trong gia đình ăn hoa quả, mỗi thứ một ít để giết sâu bọ. Buổi trưa làm mâm cúng tổ tiên, nhằm cầu mong sự phù hộ cho một vụ mùa không bị sâu bệnh, tốt tươi.

Tết Vu lan (*Shiét nhọt sịp sị triệt*) được tổ chức vào ngày 14 tháng Bảy, là ngày xá tội vong nhân. Song theo quan niệm của người Sán Dìu, đây còn là ngày lúa giao hợp; vì thế, vào buổi sáng hôm ấy không ai được phép ra đồng, sợ lúa “thẹn”, thóc sẽ bị lép.

3. Một vài nhận xét

Người Sán Dìu ở huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên có một hệ thống các tín ngưỡng dân gian, với các hình thái chính là thờ tổ tiên, thờ thành hoàng, tín ngưỡng nông nghiệp, trong đó, nông nghiệp là yếu tố bao trùm.

Các hình thái tín ngưỡng trên diễn ra chủ yếu ở phạm vi gia đình. Điều đó càng khẳng định gia đình không chỉ có vị trí quan trọng trong việc tổ chức sản xuất dựa trên cơ sở kinh tế chính là nông nghiệp, trong đó trồng trọt là chủ đạo, chăn nuôi là phụ trợ, mà còn là đơn vị chính để tổ chức các hoạt động thờ cúng.

Tín ngưỡng dân gian của người Sán Dìu ở huyện Đông Hỷ vừa chứa đựng những yếu tố chung của người Sán Dìu ở Thái Nguyên nói riêng và Việt Nam nói chung (ảnh hưởng quan niệm về thuyết vạn vật hữu linh) song vẫn mang sắc thái riêng của địa phương như tín ngưỡng thờ mụ, thờ các vị thần trong gia đình những người làm nghề thày cúng.

Người Sán Dìu không theo một tôn giáo chủ đạo nào, song thông qua những biểu hiện của tín ngưỡng dân gian cho thấy, đồng bào chịu sự ảnh hưởng của tôn giáo ngoại lai (Phật giáo, Đạo giáo). Tuy nhiên, đồng bào không tiếp nhận một cách thụ động mà luôn có sự cải biến cho gần gũi với tư tưởng, tín ngưỡng của tộc người.

Tín ngưỡng dân gian đã chi phối mọi mặt đời sống của người Sán Dìu: sản xuất, cuộc sống gia đình, làng xóm, tình cảm, nếp nghĩ. Cho tới nay, mặc dù có sự biến đổi nhưng tín ngưỡng dân gian vẫn là hoạt động tinh thần không thể thiếu, chiếm một vị trí vô cùng quan trọng trong đời sống của người Sán Dìu nơi đây.

Do tác động của nhiều nhân tố khách quan và chủ quan, các hoạt động tín ngưỡng dân gian vừa mang yếu tố tích cực vừa bộc lộ những hạn chế, đòi hỏi các cấp chính quyền và ngay chính bản thân cộng đồng tộc người phải có cái nhìn đúng đắn về những giá trị của nó.

Tài liệu tham khảo

1. Toan Ánh (2005), *Nếp cũ - Tín ngưỡng Việt Nam*, Tập 1, Tập 2, Nxb Văn nghệ Thành phố Hồ Chí Minh
2. Ma Khánh Bằng (1983), *Người Sán Dìu ở Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội
3. Diệp Trung Bình (2005), *Phong tục và lễ nghi chu kỳ đời người của người Sán Dìu ở Việt Nam*, Nxb Văn hóa dân tộc.
4. Diệp Trung Bình (2002), *Lễ hội cổ truyền các dân tộc Hoa, Sán Dìu ở Việt Nam*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
5. Phan Đình Dũng (2010), *Cơ sở tín ngưỡng và lễ hội truyền thống ở Biên Hòa*, Nxb Thời đại.
6. Nguyễn Thị Kim Hoa, “Tín ngưỡng dân gian của người Mường Hòa Bình”, *Tạp chí Văn hóa nghệ thuật*, Số 334 (2012), tr. 16-21.
7. Phạm Đức Lữ (2000), *Góp phần tìm hiểu tín ngưỡng dân gian ở Việt Nam*, Nxb Hà Nội.
8. Phạm Côn Sơn (2002), *Văn hóa phong tục Việt Nam ABC*, Nxb Văn hóa dân tộc.